TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn Mừng.**

2. Bà **Phan Thị Nga.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Lắm**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang*** tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 735/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1976 chỉ; địa chỉ số 1010, khóm 2, phường B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991: địa chỉ, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh H do quen biết được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2011, đến ngày 23.3.2015 anh mới đăng ký kết hôn. Anh chị sống chung đến tháng 4 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do sống chung không tình cảm, bất đồng quan điểm sống, hay cự cải, anh H tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, trong khi đó chị đang làm tại Thành Phố Hồ Chí Minh để nuôi con, anh chị

không còn chung sống từ tháng 4 năm 2015 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Võ Văn H, sinh ngày 08.02.2012 hiện nay sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Võ Thị Ngọc T xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Võ Thị Ngọc T xác định không có.

Tại tờ tự khai, biên bản không hòa giải được ngày 25.01.2019 anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị T do quen biết được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2011, đến ngày 23.3.2015 anh chị mới đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung anh và chị T cũng không có mâu thuẩn gì, do vợ chồng đi làm tại thành phố, anh kêu chị T về nhưng chị không về, anh mới về quê sống. Anh yêu cầu Tòa án cho anh thời gian hàn gắn tình cảm để vợ chồng anh sống chung lại.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Võ Văn H, sinh ngày 08.02.2012 hiện nay sống chung với chị T. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H xác định không có.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn H xác định không có.

Tòa án đã và triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn H đến Tòa án để tham gia phiên họp và hòa giải nhưng vẫn không hòa giải được vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị Võ Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn H kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Hòa Bình, huyện C ngày 18.12.2002, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Anh H không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ nhưng từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, chị T gửi đơn khởi kiện đến Tòa án, cả hai không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Mặt khác, chị T xác định tình cảm không còn tình cảm với anh H, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Võ Văn H, sinh ngày 08.02.2012, hiện đang sống chung với chị T. Anh H, chị T đều yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu H sống với chị T phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, cháu H có nguyện vọng được sống chung

với chị T. Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho cháu H nghĩ nên để chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét quyết định.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Ngọc T đối với anh Nguyễn Văn H.

Chị Võ Thị Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Võ Văn H, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Chị Võ Thị Ngọc T khởi kiện anh Nguyễn Văn H cư trú ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Chị Võ Thị Ngọc T có ý kiến trình bày xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị T.

[2]. *Về hôn nhân:* Chị T và anh H sống chung với nhau vào năm 2012 đến năm 2015 anh chị mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện C, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cải nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Chị T và anh H không còn sống chung từ tháng 4 năm 2015 cho đến nay, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa chị T và anh H không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Chị T yêu cầu ly hôn với anh H, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình " Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn….". Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Võ Văn H, sinh ngày 08.02.2012 hiện nay sống chung với chị H. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H cũng có yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu H sống ổn định với chị T vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Trong quá trình làm việc Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của cháu H thì cháu có nguyện vọng sống với chị T, qua xác minh tài liệu chứng cứ thì anh H đi làm ăn xa, nhà xa trường học, trạm y tế. Do đó, Hội đồng xét xử

giao cháu H cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình " Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung:* Chị T, anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung:* Chị T, anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị T, anh H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị T và anh H trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Võ Thị Ngọc T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 235, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Ngọc T.

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H

Giấy chứng nhận kết hôn số 40 quyển số 01/2015 ngày 23/3/2015 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Võ Thị Ngọc T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Võ Văn H, sinh ngày 08.02.2012. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Chị Võ Thị Ngọc T, anh Nguyễn Văn H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Võ Thị Ngọc T, anh Nguyễn Văn H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận, chị T, anh H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị T và anh H trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Võ Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000338 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Chị Võ Thị Ngọc T không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận**:**
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã H,
huyện C, tỉnh An Giang.
-Các đương sự;
-Lưu.